TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/DS-ST
Ngày: 28 - 6 - 2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thái

2. Ông Não Thiên Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam *tham gia phiên toà:*

Ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 194 T, phường L, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức T - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng A.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trình Kiện T1 - Giám đốc Ngân hàng A - CN N

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trình Kiện T1 tham gia tố tụng: ông Trần Huy H - Chuyên viên phụ trách xử lý nợ (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021; Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 101/QĐ-BIDV.NT ngày 01/4/2023).

Địa chỉ: Số 138, đường 21/8, phường P, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn: bà Lê Nguyễn Kim P, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã NH, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) với bà Lê Nguyễn Kim P đã xác lập hai quan hệ tín dụng, gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 2396/01/2020/HĐTD ngày 29/9/2020, số tiền vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay sửa nhà, lãi suất 10%/năm (tại thời điểm vay), lãi suất vay hiện nay 11,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng là 2.200.000 đồng (trả gốc và lãi) bắt đầu trả từ tháng 11/2020. Tính đến ngày 02/5/2024, bà P đã trả được 41.796.503 đồng tiền nợ gốc và 16.144.537 đồng tiền nợ lãi. Do bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Lê Nguyễn Kim P phải trả cho Ngân hàng A nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/6/2024 tổng số tiền là 74.502.918 đồng *(bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu, năm trăm lẽ hai nghìn, chín trăm mười tám đồng)*, trong đó gồm: dư nợ gốc là 58.203.497 đồng; nợ lãi trong hạn là 16.299.421 đồng. Buộc bà Lê Nguyễn Kim P phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng.

- Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 4605318/38/100820 ngày 07/8/2020, cấp hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng; Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 6 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) bà P phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 8 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 33.181.966 đồng (trả gốc và lãi). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ. Tính đến ngày 28/6/2024, bà P đã rút vốn vay 50.000.000 đồng; đã trả nợ gốc là 31.580.131 đồng; trả nợ lãi 1.601.835 đồng. Do bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng này và áp dụng tính lãi suất hiện nay 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đối với khoản nợ này. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà P trả nợ thẻ tín dụng cho Ngân hàng tính đến ngày 28/6/2024, tổng số tiền là 23.453.300 đồng *(bằng chữ: Hai mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm đồng)*, trong đó gồm: dư nợ gốc là 18.419.869 đồng; nợ lãi trong hạn là 3.517.187 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.216.244 đồng; phí là 300.000 đồng. Buộc bà Lê Nguyễn Kim P phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh đối với số dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 29/6/2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng này.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Nguyễn Kim P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng A yêu cầu bà Lê Nguyễn Kim P trả khoản nợ đã vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 02, xã NH, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đây là vụ án dân sự "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà P đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà P trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2396/01/2020/HĐTD ngày 29/9/2020.

[2.1.1] Xét về nội dung và hình thức, thẩm quyền ký kết Hợp đồng tín dụng số 2396/01/2020/HĐTD ngày 29/9/2020 giữa Ngân hàng với bà P là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký các bên, có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại Điều 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa các bên do nguyên đơn đưa ra và bị đơn không có ý kiến phản đối nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đủ cơ sở xác định: Ngày 30/9/2020, bà Lê Nguyễn Kim P có vay của Ngân hàng

A và được giải ngân số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay sửa nhà, lãi suất 10%/năm (tại thời điểm vay), lãi suất vay hiện nay 11,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ hàng tháng, số tiền trả nợ hàng tháng là 2.200.000 đồng (trả gốc và lãi) bắt đầu trả từ tháng 11/2020. Tính đến ngày 02/5/2024, bà P đã trả được 41.796.503 đồng tiền nợ gốc và 16.144.537 đồng tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 2396/01/2020/HĐTD ngày 29/9/2020. Tính đến ngày 02/5/2024, bà P đã trả được 41.796.503 đồng tiền nợ gốc và 16.144.537 đồng tiền nợ lãi cho Ngân hàng.

[2.1.2] Đến hạn trả nợ bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm Điều 6 của Hợp đồng tín dụng và Điều 9 của Điều khoản và điều kiện vay kèm theo hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 28/6/2024, bà P còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 74.502.918 đồng *(bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu, năm trăm lẽ hai nghìn, chín trăm mười tám đồng),* trong đó gồm: dư nợ gốc là 58.203.497 đồng; nợ lãi trong hạn là 16.299.421 đồng, theo Hợp đồng tín dụng số 2396/01/2020/HĐTD ngày 29/9/2020.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bà P trả nợ theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 4605318/38/100820 ngày 07/8/2020.

[2.2.1] Xét về nội dung và hình thức, thẩm quyền ký kết Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 4605318/38/100820 ngày 07/8/2020 giữa Ngân hàng với bà P là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký các bên, có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại Điều 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa các bên do nguyên đơn đưa ra và bị đơn không có ý kiến phản đối nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đủ cơ sở xác định: Bà P có giao dịch và sử dụng thẻ tín dụng theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 4605318/38/100820 ngày 07/8/2020, cấp hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay tiêu dùng, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Tính đến ngày 28/6/2024, bà P đã rút vốn vay 50.000.000 đồng; đã trả nợ gốc là 31.580.131 đồng; trả nợ lãi 1.601.835 đồng.

[2.2.2] Về lãi suất: Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 6 của bản Điều khoản). Mức lãi suất này được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và bản Điều khoản của Ngân hàng. Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng; bà P đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng trong các lần thực hiện giao dịch rút tiền mà không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[2.2.3] Về các loại phí liên quan đến thẻ: Các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều 8 của Bản các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng nên bà P chịu các khoản phí này; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Ngân hàng và bà P là phù hợp với quy định tại

khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước.

[2.2.4] Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 8 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng) nên ngày 07/11/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ của thẻ tại thời điểm này là 18.419.869 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo quy định tại Điều 10 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Tính đến ngày 28/6/2024, bà P nợ của Ngân hàng theo thẻ tín dụng này, tổng số tiền là 23.453.300 đồng *(bằng chữ: Hai mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm đồng)*, trong đó gồm: dư nợ gốc là 18.419.869 đồng; nợ lãi trong hạn là 3.517.187 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.216.244 đồng; phí là 300.000 đồng.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án thì bà Lê Nguyễn Kim P đã bỏ đi khỏi Thôn 2, xã Nhị Hà, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận; địa phương không biết bà P ở đâu. Nguyên đơn xác nhận bà P không thông báo địa chỉ mới hiện nay cho nguyên đơn biết. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, được coi là bị đơn bà P cố tình dấu địa chỉ nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Bị đơn bà P vắng mặt, không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.4] Ngân hàng yêu cầu bà P phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 29/6/2024 trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Lê Nguyễn Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền là 4.897.811 đồng (cách tính: 97.956.218 đồng x 5%). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

1. Buộc bà Lê Nguyễn Kim P phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng số 2396/01/2020/HĐTD ngày 29/9/2022, số tiền là 74.502.918 đồng *(bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu, năm trăm lẽ hai nghìn, chín trăm mười tám đồng),* trong đó gồm: dư nợ gốc là 58.203.497 đồng; nợ lãi trong hạn là 16.299.421 đồng.

Kể từ ngày 29/6/2024, bà Lê Nguyễn Kim P còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải thanh toán cho ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).

2. Buộc bà Lê Nguyễn Kim P phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A theo Đăng ký kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số 4605318/38/100820 ngày 07/8/2020, 23.453.300 đồng *(bằng chữ: Hai mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm đồng)*, trong đó gồm: dư nợ gốc là 18.419.869 đồng; nợ lãi trong hạn là 3.517.187 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.216.244 đồng; phí là 300.000 đồng.

Kể từ ngày 29/6/2024, bà Lê Nguyễn Kim P còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải thanh toán cho ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).

3. Về án phí:

- Bà Lê Nguyễn Kim P phải chịu 4.897.811 đồng *(bằng chữ: Bốn triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, tám trăm mười một đồng)* án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này.

- Hoàn lại cho Ngân hàng A 2.825.000 đồng *(Bằng chữ: Hai triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002248 ngày 04/01/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Não Thiên Minh Trí **Nguyễn Văn Thái** **Nguyễn Quốc Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
Nguyễn Thị Liên Trịnh Thị Hồng Cúc	**Nguyễn Quốc Tâm**